

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /2022/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **19** tháng **5** năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất một năm; Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước; Đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Thực hiện Nghị quyết số 767/NQ-UBTVQH14 ngày 11/9/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Sa Pa và các phường, xã thuộc thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai;*

Thực hiện Nghị quyết số 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 129/TTr- STC ngày 22/4/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất một năm đối với các trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm**

1. Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,8% gồm các địa bàn sau:
  - a) Các phường: Lào Cai, Kim Tân, Cốc Lếu thuộc thành phố Lào Cai;
  - b) Phường Sa Pa và phường Cầu Mây thuộc thị xã Sa Pa.
2. Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,5% gồm các địa bàn sau:
  - a) Các phường: Duyên Hải, Bắc Cường, Nam Cường, Bắc Lệnh, Bình Minh, Xuân Tăng, Pom Hán thuộc thành phố Lào Cai;
  - b) Các phường Hàm Rồng và phường Phan si Păng thuộc thị xã Sa Pa.
3. Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,0% gồm các địa bàn sau:
  - a) Các xã thuộc thành phố Lào Cai;
  - b) Các phường còn lại thuộc thị xã Sa Pa;
  - c) Các xã, thị trấn Phố Lu huyện Bảo Thắng;
  - d) Thị trấn Phố Ràng huyện Bảo Yên, thị trấn Bắc Hà huyện Bắc Hà, thị trấn Bát Xát huyện Bát Xát, thị trấn Mường Khương huyện Mường Khương, thị trấn Khánh Yên huyện Văn Bàn, thị trấn Si Ma Cai huyện Si Ma Cai.
4. Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 0,8% gồm các địa bàn sau:
  - a) Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải, Khu Công nghiệp Thương mại - Kim Thành, Khu công nghiệp Đông Phố Mới và Khu tiểu thủ công nghiệp Sơn Mãn – Vạn hòa thuộc thành phố Lào Cai;
  - b) Khu công nghiệp Tăng Loong thuộc huyện Bảo Thắng;
  - c) Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; Đơn giá thuê đất đối với phân diện tích đất có mặt nước; Đơn giá thuê mặt nước**

1. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm: Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất*) theo quy định của Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau:

- a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất được xác định bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng đất;

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất;

c) Riêng đối với trường hợp thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này mà sử dụng vào mục đích bãi đỗ xe thì đơn giá thuê đất được xác định bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng đất hoặc hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

## 2. Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước:

Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

3. Đơn giá thuê mặt nước đối với dự án sử dụng mặt nước cố định; dự án sử dụng mặt nước không cố định:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng đơn giá thuê mặt nước của từng dự án trình UBND tỉnh quyết định theo đúng quy định tại Điều 7 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

## **Điều 3. Quy định về xử lý chuyển tiếp**

1. Trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất tại các khu vực có thay đổi địa giới hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 767/NQ-UBTVQH14 ngày 11/9/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Sa Pa và các phường, xã thuộc thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai và Nghị quyết 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai thì đơn giá thuê đất trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo đơn giá đối với đơn vị hành chính trước khi thay đổi theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất một năm; Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

2. Đối với các trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này thì thực hiện theo các quy định tại Quyết định này từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2022 và thay thế Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất một năm; Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan thuế, kho bạc nhà nước, tài chính, tài nguyên và môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc xác định và thu nộp tiền thuê đất theo đúng quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành;

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 5 QĐ;
- Đài phát thanh- Truyền hình tỉnh;
- Báo Lào Cai; Công báo tỉnh Lào Cai;
- Lưu VT, TH1,3, KT1, TNMT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Hải**